

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 432/2023/HC-PT
Ngày: 19/6/2023
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duân, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 409/2022/TLPT-HC ngày 27/6/2022, về việc “Khiếu quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 08/06/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1120/2023/QĐ-PT ngày 18/5/2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Địa chỉ: A Đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh Đ: Ông Trương Văn K - Chuyên viên, Phòng Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (có mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện T:

1. Ông Huỳnh Trung Đ - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (có mặt).

2. Ông Nguyễn Nguyên N1 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (có mặt).

3. Ông Trương Hồng H - Phó Trưởng Phòng Tư pháp huyện Tam Nông (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Lê Văn L, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P (có mặt).

2. Ông Lê Văn K1 - Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng - Môi trường xã P (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/12/2020, Đơn khởi kiện (sửa đổi, bổ sung) ngày 28/12/2020 của người khởi kiện ông Lê Văn T trình bày:

Phần đất có diện tích 145m², chiều ngang phía trước 3,9m; chiều ngang sau hậu 4m; chiều dài 37m, thuộc một phần thửa 4451, tờ bản đồ số 06 mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T quản lý khai thác theo Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ ngày 27/11/2017 có nguồn gốc trước năm 1975 là của cha mẹ ông là ông Lê Văn T1 (chết năm 2000) và bà Nguyễn Thị T2 (chết năm 2012) khai mở khoảng 10 công đất cặp kênh 10 Xéo. Cha mẹ ông canh tác ổn định lâu dài, đến năm 1993 thì cha mẹ ông được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, do cha ông là chủ hộ đại diện đứng tên. Đến năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện thu hồi đất của cha mẹ ông diện tích 3,2 công để làm trường học, đã bồi thường đủ tiền. Đồng thời, cha mẹ ông có hiến đất diện

tích 3,5 công để xây dựng trường học cấp hai ở ấp B, tổng cộng là 6,7 công. Diện tích còn lại khoảng hơn 03 công cha mẹ ông tiếp tục sử dụng. Sau đó cha mẹ mất để lại cho ông tiếp tục sử dụng.

Sau đó, Nhà nước mở đường cặp bờ kênh 10 Xéo cho dân đi lại, trúng vào đất ông, không có bồi thường. Dân đi lại trên đường này được một thời gian thì bà T3 là người sử dụng phần đất đối diện với ông bên bờ kênh 10 Xéo (ngay gốc kênh) tự động đổ đất lấp một phần kênh 10 Xéo chiều ngang khoảng 10m, chiếm đất lòng kênh của Nhà nước. Đồng thời sử dụng lấn luôn con đường cặp kênh của Nhà nước. Do đó, nhân dân đi lại không có đường đi, khi đi đến đó phải đi vòng vô đất ông, đất ông đã được san lấp làm đất ở. Do đó, năm 2016 nhiều lần ông làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Y giải quyết trả đất cho ông, nhưng xã không giải quyết. Vì vậy, bức xúc ông đã làm hàng rào chắn ngang không cho người dân đi lại. Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPVPHC ngày 29/9/2020 với số tiền là 20.000.000 đồng với lý do Nhà nước cho rằng ông lấn chiếm đất của Nhà nước. Đất ông có quyền sử dụng đất, Nhà nước chưa thu hồi mà Ủy ban nhân dân tỉnh L giao cho Ủy ban nhân dân xã P, còn xử phạt hành chính ông là trái pháp luật, là xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của ông.

Do đó, ông không đồng ý với Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; ông T khiếu nại thì UBND tỉnh ra thông báo số 50 về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Hủy Quyết định số 346/QĐ-UBND-NC ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã P để quản lý, sử dụng.
2. Hủy Thông báo số 05/TB-UBND ngày 19/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc không thụ lý, giải quyết khiếu nại.
3. Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPVPHC ngày 29/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Tại Văn bản ý kiến số 94/UBND-TCD-NC ngày 02/02/2021 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Vị trí đất ông Lê Văn T khiếu nại thuộc kênh M (kênh và bờ kênh) hình thành trước năm 1975, điểm đầu từ kênh Đ đến xã B, huyện T, được người dân sử dụng làm đường nước tưới tiêu nội đồng sản xuất lúa cho khu vực. Kênh Mười X có chiều ngang trung bình là 10,5m (không bao gồm đường lộ 02m), chiều dài khoảng 2.856m, trong đó đoạn từ lộ làng giáp kênh Đ đến đường V dài 162,7m, đoạn từ đường V đến kênh R-T dài 2.693,3m.

Năm 1989, Nhà nước làm đường lộ 844 (nay là đường V), đất này là đường vận chuyển lúa (đường lộ) nội đồng và là đường đi lại cho các hộ dân có đất sản xuất nội đồng ra đường V.

Năm 2015, Nhà nước giao phần đất này cho hợp tác xã H1 nâng cấp mở rộng đường lộ nội đồng rộng 03m để vận chuyển lúa bằng cơ giới cho xã viên; phần tiếp giáp đường Võ Văn K2 được đắp đất nâng cao để dễ dàng đi lại.

Ngày 23/10/2017, Sở T có Tờ trình số 739/TTr- STNMT về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã P để quản lý, tọa lạc xã P, huyện T.

Ngày 27/10/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 1585/VPUBND-KTN giao Ủy ban nhân dân huyện T rà soát lại khu đất đề nghị giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý có tranh chấp hoặc không tranh chấp.

Ngày 08/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện T có Báo cáo số 253/BC-UBND, theo đó khu đất diện tích 26.807m² (gồm các thửa đất số: 4450, 4451, 4452, 4453, 4454, 4455, 4456, 4457, 4458, thuộc tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng đất thủy lợi) có nguồn gốc là đường nước kênh M có từ trước năm 1975 đến nay, được người dân sử dụng chung làm đường nước tưới tiêu và đường lộ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; hiện trạng khu đất không có tranh chấp, khiếu nại.

Ngày 27/11/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ, giao 26.807m² đất, tọa lạc xã P, huyện T cho Ủy ban nhân dân xã P để quản lý, khai thác theo kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt (trong đó có thửa đất số 4451, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.549m², mục đích sử dụng đất thủy lợi); Ủy ban nhân dân tỉnh Đ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Năm 2019, ông Lê Văn T tự lán, chiếm, rào chắn lối đi vì cho rằng phần 145m² thuộc một phần thửa số 4451, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng đất thủy lợi, tọa lạc xã P, huyện T là của gia đình ông quản lý sử dụng nên gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Tỉnh khiếu nại Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/11/2017.

Ngày 19/02/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Thông báo số 05/TB-UBND về việc thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T, lý do quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

Căn cứ Điều 19, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 quy định các trường hợp không được thụ lý giải quyết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định

số 346/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Thông báo số 05/TB-UBND ngày 19/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Tại Văn bản ý kiến số 144/UBND-NC ngày 01/02/2021, Văn bản số 492/UBND-NC ngày 20/3/2022 của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

1. Nguồn gốc, diễn biến vụ việc:

Nguồn gốc đất ông Lê Văn T đang lấn, chiếm thuộc kênh M có chiều ngang trung bình khoảng 10,5m, được hình thành trước năm 1975, điểm đầu xuất phát từ kênh Đ, điểm cuối kết thúc tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, người dân nơi đây sử dụng làm đường tưới tiêu nội đồng sản xuất nông nghiệp cho khu vực.

Năm 1989, Nhà nước làm Tỉnh lộ ĐT 844 (nay là đường V), phần đất này là đường vận chuyển lúa (đường cộ) nội đồng và là đường đi lại cho các hộ dân có đất sản xuất từ nội đồng ra đường V.

Năm 2015, Nhà nước giao phần đất này cho Hợp tác xã H1, xã P, huyện T nâng cấp, mở rộng đường cộ nội đồng rộng khoảng 03m để vận chuyển lúa bằng cơ giới cho các xã viên. Phần tiếp giáp đường Võ Văn K2 được đắp đất nâng cao để dễ dàng đi lại.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý gồm 09 thửa đất, với tổng diện tích 26.807m², trong đó có thửa đất số 4451, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.549m², mục đích sử dụng đất DTL (đất thủy lợi).

Vào ngày 10 và 12 tháng 12 năm 2019, ông Lê Văn T tự ý lấn, chiếm ngăn chận lối đi với diện tích 145m² thuộc thửa đất số 4451, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng đất DTL (đất thủy lợi) gồm các cạnh: hướng Đông giáp hộ ông Lương Văn P là 36,6m; hướng Tây giáp ông Lê Văn T (thửa 959) là 37m; hướng Nam giáp đường nước nội đồng là 04m; hướng Bắc giáp đường V là 3,9m. Cạnh giáp đường V (thuộc thửa 4451) có hình thể nhỏ lại là do tại thời điểm đăng ký quản lý đường nước kênh M hiện trạng đã bị các hộ dân lấn chiếm chỉ đăng ký quản lý trên hiện trạng thực tế.

Theo sổ bộ địa chính quản lý thì thửa đất 959 là thửa khoanh bao, chưa được giải thửa, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn thửa 2391 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn P đứng tên với diện tích 300m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn.

Phần diện tích ông Lê Văn T đổ đất lấn, chiếm là lối đi chính của người dân để phục vụ sản xuất nông nghiệp tại khu vực này, hiện không có lối đi khác ra đường V. Ông Lương Văn P không sử dụng đất, không lấn chiếm thửa 4451 (chỉ lấn chiếm một phần diện tích “Kênh Mười Xéo cũ” trước đây).

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ dân đi lại sản xuất nông nghiệp, vào ngày 29 tháng 9 năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 50/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn, chiếm đất của ông Lê Văn T với mức phạt chính là 20.000.000 đồng, các biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền là 310.416 đồng, thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là 15 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định.

2. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2013 quy định nhóm đất phi nông nghiệp;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn, chiếm đất phi nông nghiệp;

Áp dụng khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện và điểm b khoản 4 Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Về biện pháp khắc phục hậu quả: được quy định tại điểm a, điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ.

Về tình tiết tăng nặng: quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do hành vi vi phạm gây ra là 310.416 đồng. được tính theo công thức tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ, cách tính được thực hiện rõ tại bảng chiết tính ngày 23/9/2020 của Địa chính xã P. Việc buộc nộp số lợi bất hợp pháp đối với hành vi lấn chiếm đất: mặc dù người vi phạm có thu lợi nhuận hay không thu lợi nhuận từ hành vi lấn, chiếm đất thì cũng phải buộc người vi phạm nộp số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm gây ra và phải áp dụng điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP.

Lý do không viện dẫn các quy định nêu trên trong Quyết định số 50 là do thực hiện theo biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 50/QĐ-XPVPHC ngày 29 tháng 9 năm 2020 xử phạt vi phạm hành chính đối với

ông Lê Văn T là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ Toà án bác yêu cầu của ông Lê Văn T.

Tại Văn bản ý kiến số 09/UBND ngày 22/01/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan Ủy ban nhân dân xã P trình bày:

Nguồn gốc đất ông Lê Văn T bao chiếm san lấp đường cộ là đường nước Kênh Mười xéo có chiều ngang trung bình là 10,5m được hình thành trước 1975, điểm đầu xuất phát từ Kênh Đồng Tiến điểm cuối kết thúc tại xã B, huyện T, người dân sử dụng làm đường tưới tiêu nội đồng sản xuất trong khu vực ô bao 34 HTX H1.

Năm 1989, Nhà nước làm đường lộ ĐT 844 (nay là đường V) vị trí đất này là đường vận chuyển lúa (đường cộ) nội đồng là đường đi lại cho các hộ dân có đất sản xuất trong khu vực này.

Năm 2015, Nhà nước giao phần đất này cho HTX H1 nâng cấp mở rộng đường cộ nội đồng rộng khoảng 03m để vận chuyển lúa bằng cơ giới cho xã viên. Phần tiếp giáp đường Võ Văn K2 được đắp đất nâng cao để dễ dàng đi lại.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý gồm 09 thửa với diện tích 26.807m², mục đích sử dụng đất DTL (đất thủy lợi), trong đó có thửa đất số 4451, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.549 m² hiện nay ông Lê Văn T đang bao chiếm một phần diện tích là 145m².

Ngày 10, 12/12/2019, nhận được tin báo của người dân về việc ông Lê Văn T thuê phương tiện san lấp đường cộ kênh M, cùng ngày Ủy ban nhân dân xã cử cán bộ chuyên môn đến hiện trạng lập biên bản ngăn chặn không cho ông Lê Văn T san lấp đường cộ.

Ngày 18/02/2020 ông Lê Văn T tiếp tục thuê phương tiện san lấp đường vận chuyển lúa (đường cộ 04m) đầu nối ra đường V.

Ngày 23/9/2020, Ủy ban nhân dân xã T lập biên bản vi phạm hành chính số 174/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Văn T.

Do tính cấp thiết của sự việc và tạo điều kiện thuận lợi cho xã viên HTX H1 vận chuyển phân bón cũng như đi lại cho các hộ có đất trong vùng để phục vụ sản xuất nông nghiệp, vào ngày 29/9/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 50/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn T đã có hành vi lấn, chiếm diện tích 145m² thuộc một phần thửa số 4451, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng đất DTL, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp với mức phạt chính là 20.000.000 đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền là

310.416 đồng. Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là 15 ngày và giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P tổ chức thực hiện Quyết định.

Việc ông Lê Văn T lấn, chiếm diện tích 145 m² thuộc một phần thửa đất số 4451, tờ bản đồ số 06, mục đích sử dụng đất DTL, đất tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ ngày 27/11/2017 giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Hình vi vi phạm của ông Lê Văn T đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 50/QĐ-XPVPHC ngày 29/9/2020 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ dân đi lại để sản xuất nông nghiệp tại khu vực này Ủy ban nhân dân xã P đề nghị bác yêu cầu của ông Lê Văn T, buộc ông Lê Văn T khôi phục lại hiện trạng ban đầu và trả lại đất đã lấn, chiếm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 08/9/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã xét xử như sau:

Bác khởi kiện của ông Lê Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Thông báo số 05/TB-UBND ngày 19/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Quyết định số 50/QĐ-XPVPHC ngày 29/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vào ngày 13/6/2022, người khởi kiện là ông Lê Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

1. Ông Lê Văn T: Ông T xác định thửa số 4451 là đất công và do bà T3 là người lấn chiếm. Đất của ông thuộc thửa 959, tờ số 6 là độc lập, ông không lấn đất thuộc thửa 4451. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Thông báo số 05/TB-UBND ngày 19/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Quyết định số 50/QĐ-XPVPHC ngày 29/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

2. Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và UBND tỉnh Đ; Chủ tịch UBND huyện T trình bày: Diện tích đất mà ông T khiếu nại

thuộc thửa 4451 là đất công, không phải thửa 959, tờ số 6 mà ông T trình bày. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Những người đại diện hợp pháp cho UBND xã P trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án các cấp và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng thủ tục tố tụng.

Về yêu cầu kháng cáo của ông T:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là đất thủy lợi được dùng vào làm đường đi nội đồng cho các hộ dân thuộc hợp tác xã H1 vào đất để sản xuất. Tại Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã giao đất cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý, sử dụng, sau đó ông T khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ra Thông báo số 05/TB-UBND ngày 19/02/2020 về việc không thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông T là đúng trình tự thủ tục.

Ngày 10 và ngày 12/12/2019 ông T có hành vi dùng máy cuốc đồ đất và làm hàng rào bao quanh không cho người dân đi lại nên Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPVPHC ngày 29/9/2020 xử phạt hành vi lấn chiếm đất là đúng trình tự thủ tục.

Với những ý kiến nêu trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn T4, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn T nộp trong thời hạn luật định và đúng thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của những người bị kiện: UBND tỉnh Đ, Chủ tịch UBND tỉnh Đ và Chủ tịch UBND huyện T tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện, nhưng những người này có đơn đề nghị xét xử vắng mặt họ. Do đó, Tòa

án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ của UBND tỉnh Đ có nội dung giao diện tích đất thuộc thửa 4451 cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý, sử dụng được ban hành ngày 27/11/2017; Thông báo số 05/TB-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Đ có nội dung không thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông T được ban hành ngày 19/02/2020 và Quyết định số 50/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND huyện T có nội dung xử phạt vi phạm hành chính hành vi lấn chiếm đất của ông T được ban hành ngày 29/9/2020 (sau đây viết tắt là Quyết định 346, Thông báo số 05 và Quyết định số 50). Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và giải quyết khiếu nại. Ông T khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên vào ngày 22/12/2020. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và còn trong thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của ông T:

[3.1] Về tính hợp pháp của Quyết định 346:

- Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định 346 được ban hành đúng trình tự, thủ tục giao đất đúng với quy định tại Điều 71 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, khoản 1 Điều 3 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Về nội dung, xét thấy:

Nguồn gốc phần đất ông T bao chiếm san lấp đường cộ là đường nước Kênh Mười X có chiều ngang trung bình là 10,5m được hình thành trước 1975, điểm đầu xuất phát từ Kênh Đồng Tiến điểm cuối kết thúc tại xã B, huyện T, người dân sử dụng làm đường tưới tiêu nội đồng sản xuất trong khu vực ô bao 34 HTX H1.

Năm 1989, Nhà nước làm đường lộ ĐT 844 (nay là đường V) vị trí đất này là đường vận chuyển lúa (đường cộ) nội đồng là đường đi lại cho các hộ dân có đất sản xuất trong khu vực này.

Năm 2015, Nhà nước giao phần đất này cho HTX H1 nâng cấp mở rộng đường Cộ nội đồng rộng khoảng 03m để vận chuyển lúa bằng cơ giới cho xã viên. Phần tiếp giáp đường Võ Văn K2 được đắp đất nâng cao để dễ dàng đi lại.

Năm 2017, UBND xã P có đơn xin giao đất đối với các 09 thửa đất số 4450, 4451, 4452, 4453, 4454, 4455, 4456, 4457, 4458, thuộc tờ bản đồ số 06,

diện tích 26.807 m², mục đích sử dụng là đất thủy lợi, thuộc các mảnh trích đo địa chính số 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13 cùng ngày 20/10/2017, Tờ trình số 739/TTr-STNMT ngày 23/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ về việc giao đất cho UBND xã P; Danh sách các thửa đất, diện tích đất kèm theo Tờ trình số 739. Ngày 27/10/2017, UBND tỉnh có Văn bản số 1585/VPUBND-KTN gửi UBND huyện T yêu cầu rà soát lại khu đất đề nghị giao cho UBND xã P, ngày 08/11/2017 UBND huyện T có Báo cáo số 253/BC-UBND về việc rà soát nguồn gốc, hiện trạng và tình trạng tranh chấp. Ngày 27/11/2017 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 346/QĐ-UBND-ND ngày 27/11/2017 giao 09 thửa đất trên cho UBND xã P quản lý sử dụng.

Như vậy về trình tự, thủ tục giao đất là đúng với Điều 71 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, khoản 1 Điều 3 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

[3.2] Về tính hợp pháp của Thông báo số 05: Xét thấy, như mục [3.1] đã nhận định Quyết định số 346 được ban hành đúng trình tự, thẩm quyền, có nội dung phù hợp với các quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, khi ông T khiếu nại quyết định này, Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Thông báo số 05 có nội dung không thụ lý, giải quyết khiếu nại của ông T là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 10, 14, 18 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Điều 27, 28, 29 Luật khiếu nại 2011.

[3.3] Về tính hợp pháp của Quyết định số 50:

- Về trình tự, thủ tục thẩm quyền ban hành: Xét thấy, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 50 là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 86, Điều 87 và Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về nội dung:

Từ ngày 10 đến ngày 12/12/2019, ông T thuê ông Nguyễn Văn T5 dùng xe Kobe thi công đắp một phần diện tích đất của đường nước kênh M ngang 02m, dài 10m thành bờ bao. UBND xã P đã lập biên bản làm việc yêu cầu ngưng thi công, nhưng ông T không chấp hành.

Ngày 23/9/2020, UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính số 174/BB-VPHC đối với ông T với nội dung: Vào các ngày 10/12/2019, 12/12/2019 ông T đã có hành vi lấn chiếm một phần diện tích thửa số 4451, tờ bản đồ số 6, diện tích 145 m² đã được UBND tỉnh Đ giao cho UBND xã P theo Quyết định số 346, mục đích sử dụng là đất thủy lợi. Ông T không ký tên vào biên bản vi phạm hành chính nhưng có hai nhân chứng là Huỳnh Văn K3 và Lê Thanh T6 ký chứng kiến và đại diện UBND xã P ký xác nhận là đúng quy định tại khoản 2

11

Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Việc lập biên bản vi phạm, hành chính đối với ông T vào ngày 23/9/2020 là còn trong thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Cùng ngày 23/9/2020, UBND xã P lập biên bản về việc xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với hành vi vi phạm của ông T. Xét thấy vụ việc vượt quá thẩm quyền nên UBND xã có Báo cáo số 176/BC-UBND gửi Chủ tịch UBND huyện T đề xuất hướng giải quyết vụ việc là đúng quy định tại khoản 3 điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 29/9/2020 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 50 xử phạt ông T 20.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; buộc trả lại đất đã lấn, chiếm. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền là 310.416 đồng.

Ông T đã nhận Quyết định số 50 vào ngày 09/10/2020 nhưng không ký vào biên bản. Việc này được UBND xã P lập biên bản có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn T7.

Tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

“4. Trường hợp lấn, chiếm đất phi nông nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích đất lấn, chiếm dưới 0,05 héc ta...”

Hành vi vi phạm của ông T diễn ra liên tục vào các ngày 10/12/2019, 12/12/2019 và 18/12/2020 nên Quyết định số 50 áp dụng các tình tiết tăng nặng theo điểm a, điểm i Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do hành vi vi phạm gây ra là 310.416 đồng, là phù hợp với điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/NĐ-CP của Chính phủ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới, do đó kháng cáo của ông T là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông T phải nộp 300.000 đồng theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 59 Luật đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 21, các Điều 27, 28, 29 của Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 6, điểm a, điểm i Điều 10, các khoản 2, 3 Điều 58, khoản 1 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ điểm a khoản 4, các điểm a, d khoản 7 Điều 14, điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Điều 71 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ các Điều 5, 6, 7, 8, 10, 14, 18 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, về việc yêu cầu huỷ các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 346/QĐ-UBND-NĐ ngày 27/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Thông báo số 05/TB-UBND ngày 19/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Quyết định số 50/QĐ-XPVPHC ngày 29/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

[2] Tiếp tục thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2021/QĐ-BPKCTT ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 4680 ngày 22/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa